

Bản án số: 175/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: Số nhà 12 tổ 1A phường Hải Th, quận Dương K, thành phố Hải Phòng; địa chỉ nơi ở hiện tại: Thôn Thạch L, xã An Th, huyện An L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị H; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số nhà 12 tổ 1A phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú tại: Số 13-1, đường Beichang, làng Wading, thị trấn Yuanchang, huyện Văn Lâm, Đài Loan; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống nhưng đến ngày 21/4/2004 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con nên thường xảy ra cãi nhau. Từ giữa năm 2014 đến năm 2018 vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng

mỗi người một việc, không quan tâm đến nhau. Đến năm 2019, bà H xuất cảnh sang Đài Loan lao động, từ đó hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông làm đơn đề nghị Tòa án thành phố Hải Phòng xét xử cho ông được ly hôn bà H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh, sinh ngày 05/4/1996 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 23/9/2001. Cả hai con đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Trình bày và đề nghị của bị đơn:* Tại Đơn trình bày (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bà Trương Thị H thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn M về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Bà H xác nhận, đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Đồng thời, bà H cũng trình bày thống nhất với ông M về con chung giữa ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Kh, sinh ngày 05/4/1996 và Nguyễn Quốc A, sinh ngày 23/9/2001, hiện các con đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản, ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do công việc và điều kiện khoảng cách nên bà không có mặt tại Việt Nam để giải quyết ly hôn, bà H đề nghị Tòa án không tiến hành H giải và xin xét xử vắng mặt; đồng thời bà ủy quyền cho ông M thay bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Ông Nguyễn Văn M hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng và bà Trương Thị H hiện đang ở Đài Loan đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H chung sống tự nguyện với nhau từ năm 1994, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thái, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng ngày 21/4/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất được trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con. Đến năm 2019, bà H sang Đài Loan lao động, từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy,

chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Trương Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh, sinh ngày 05/4/1996 và Nguyễn Quốc An, sinh ngày 23/9/2001. Hiện các con đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông M và bà H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn bà Trương Thị H.

2. Về con chung, tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019934 ngày 25/8/2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; ông M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Ông Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Trương Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- UBND xã An Thái, huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**